

CUNG TÍCH BIÊN

NGỌẠI LẠI

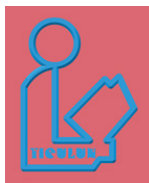


VẤN ĐỀ số 19, 20
tháng 2, 3-1969

truyện ngắn

ngoại lai

CUNG TÍCH BIÊN



Paris * 04.2025

Bìa : *M. C. P*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

ngoại lai

CUNG TÍCH BIÊN

**Nguyệt san Văn Đê
Số 19, 20 tháng 2, 3-1969**

Mãi đến buổi sáng hôm đó trong đầu óc chú Tư Hồ – khi ngang qua chợ Phú Nhuận, chợt thấy mù hàng thịt ngói với mấy cân thịt tim tím, mấy con ruồi xanh bay vo ve, mùi xúc vật chết dậy lên ngai ngái, mùi thích hợp nhất cho một cơn buồn nôn – một quá khứ kinh hoàng chợt thức giấc, thịt bò thức giấc, quá khứ : người ta đã ăn toàn thịt súc vật chết từ nguồn trôi về suốt thời kỳ cơn bão lụt Iris tàn phá, cơn Iris đã mang về biển đông trên mười ngàn người, và nó để lại trước mặt chú Tư thợ hồ hàng trăm con vật chết ; đám thổ dân mang dao mác ra mổ thịt chúng

nó, người ta nấu, luộc, ăn một cách ngon lành thèm khát vì người ta chẳng còn thóc lúa, người ta chẳng còn gì để sống với những ngày sống sót, người ta chỉ có bò, sống nhờ xác chết bò, những con bò chết thối và thiêng liêng ; ngay giữa nền nhà một con bò đã từ đâu trôi về, đã chết, sau hè một con bò cắm đầu xuống khoảng bùn lầy, nửa đêm chú Tư thợ Hồ thức giấc, dạo chơi trên những khoảng thịt mềm nhũn, trắng soi trên xác bò, những vì sao loang loáng trên mấy cái sừng bò lảng nhẩy ; từ bên này khung cửa, trong buổi chiều trống rỗng một cơn bão vừa lặng, nhìn qua bên kia chân cầu heo hút – mấy anh dân vệ cũng sống qua ngày nhờ thịt bò – trên cánh đồng lạnh lẽo chú Tư thợ hồ có thể đếm được hàng trăm tảng đá nâu, có tảng màu đen, bất động, những tảng đá xuất hiện bất ngờ những tảng đá có hai cái sừng vô tình.

Sau cơn bão lụt Iris – mà thằng cháu đã giải thích một cách lếu lảo theo ngôn ngữ Đại học văn khoa của nó : đây là một hình phạt của Thượng đế, Thượng đế muốn chúng ta biết giá trị của tai họa và phải biết đến vinh danh ngài – chú Tư thợ hồ lìa bỏ quê nhà vào Sài Gòn sinh sống. Việc lìa bỏ quê hương yêu dấu còn do nhiều lý do khác không tiện nói ra đây. Nhưng chú Tư thợ hồ thì nhất định, không thể sống thêm trên một vùng đầy rẫy ám ảnh, những thân hình què quặt, những hình nhân khô xám bám trôi nổi theo mỗi cơn mơ không đầu đuôi của chú, không thể lê lếch với một thứ quê hương hoang tàn chỉ thấy toàn nghĩa địa, trống rỗng vì nước đã cuốn sạch nguồn sống, bão đi thổi về trời tất cả những mầm tươi, quê hương, dù có ra công đi cả trăm dặm cũng khó tìm một bông lúa một nụ cười. Hơn thế nữa vợ con chú

Tư thợ Hồ cũng chết tại đây. Người vợ mà chú gắp lại trên bến tàu Đà Nẵng sau tám năm đi làm tên lính thuộc địa đánh thuê trên đất Pháp.

Tư thợ Hồ nhớ rõ ràng ngày chôn xác vợ, ngày thật đẹp trời. Trước đó mười hai hôm trời nổi cơn mưa lớn, nửa đêm có những ngọn gió rao rao, chân trời thì đen đúa, sóng biển đông về mạnh, vỗ những cơn quăn quại lạ lùng. Từ xóm trên lão Truyện mang cây đèn bão xuống cho chú Tư biết đài phát thanh loan tin có cơn bão lớn, bão Iris. Chú Tư nói bão gì lại là bão Iris, cơn bão mà cũng mang tên “Tây” à. Trời tháng mười luôn luôn có mưa gió, mưa gió là của chung nên chú Tư thợ Hồ chẳng lo lắng gì cho lắm, vả lại đài khí tượng thì lâu lâu họ phóng ra và cái tin giật gân như thế. Đêm ấy chú Tư ngủ ngon. Nhưng gần về sáng chú

không thể ngủ được nữa, thức giấc với những cơn mưa ác liệt chra từng thấy, biến động khôn lường, gió tứ bề quá mạnh, gió không phải từ bốn phương đổ lại mà gió từ đâu dưới đất, dưới sâu lòng đất thổi lên, cả rừng cây đều bị nhổ gốc. Khi trời rùng rùng sáng, Chú Tư đã nhìn thấy nước đầy cánh đồng, phía cây cầu sóng cuộn như giòng thác, mặt trời đi đâu mất, chuồng bò của chú đã sập ngã, con bò duy nhất đã chết lạnh từ nửa đêm, heo trong chuồng dầm bì bõm như trong hồ bơi lội, hàng cau và đu đủ ngã chắn cả lối đi, đường liên lạc từ đây đến các xóm đã đứt, mấy anh dân vệ ngoài vọng canh đầu cầu đã trèo lên nóc nhà ngồi đợi trực thẳng đến tiếp cứu, có tiếng la hét ở cái xóm bên kia, cái xóm gần bờ sông, cái xóm quá thấp năm nào cũng có người chết trôi, nông cụ trôi nổi. Đây là một cơn mưa bão quá quắt trong đời chú

Tư thợ Hồ : nó tàn bạo và nhanh chóng ngoài sức tưởng tượng. Chú Tư lấy chiếc mảnh nhỏ cùng vợ chèo lên xóm trên khi nước đã ngập đến mái tranh nhà chú – vào khoảng hai giờ chiều. Nửa đường mảnh bị gió cuốn. Vợ chú chết, cái xác được kéo về cột chung một nơi với con bò của lão Truyện – con bò còn sống cứ đưa cái mũi ngửi ngửi vào xác người đàn bà. Mười hai ngày sau khi cơn lụt đã rã chú Tư mới có đất để chôn cái xác đã thối phần bên trên của người chung thủy. Chú nhớ hồi đó không ai dám khâm liệm cho vợ chú, chú cầm cây gậy khều khều vào cái xác, và lạ lùng người đàn bà như được làm bằng một thứ hồ bột ghê tởm. Chú Tư phải can đảm lắm mới làm được cái việc bó chiếc chiếu cuối cùng thay cho chiếc áo quan. Chú nói bệu bạo : mình ơi mình, khổ ải quá mình ơi, ông trời ông giết mình chứ tui không bao giờ

phụ mình. Một ngàn năm có lẽ chú Tư cũng không quên ngày hôm đó, không quên người vợ mà thịt nhão quá hôi quá, tởm quá bộ xương ngựa cứ chạy lên chạy xuống như bộ xương được đặt trong một cái chậu nước nhão nhão. Ngày nay mỗi lần nhớ đến Tư thợ Hồ phải ra quán cóc uống một ly để cho “bán cái mùi”.

Chôn người vợ xong, gửi đứa con sống sót cho phái đoàn Phật giáo để họ mang vào Viện hóa đạo nuôi dưỡng, bán miếng đất cùng mấy thửa ruộng, chú Tư thợ Hồ lên ngọn đồi thăm mấy ngôi mộ ông bà rồi về sửa soạn chuyển đi Sài Gòn. Chú Tư nói trước mộ ông bà con đi là đi luôn, không bao giờ con có dịp về, con sẽ làm một tên phu phen nghèo nàn thiếu đói, có lẽ đến khi chết không một người bà con thân thuộc nào bên cạnh. Chú Tư thợ Hồ thật ra không phải là một

người vô đạo. Mấy năm trước khi chính phủ ông Ngô đình Diệm mời chú đi lên lập nghiệp ở khu dinh điền Bình Tuy – nhưng nhất định chú Tư không đi, chú lưu luyến mồ mả hương khói ông bà, lưu luyến mấy con gà cây cải, ngôi vườn thửa ruộng. Nhưng ngày nay sự thể quá khắt khe : ở lại quê hương này chú sẽ chết đói, chết cô quạnh, hay có thể chết dưới mảy trái bom hoặc mảy nhát mã tấu. Cái chết đã tìm mọi cách đến với chú rồi : không chết với nước thì chết với lửa, không chết với ôn dịch thì cũng chết mòn dần với ám ảnh, kỷ niệm.

Ngày lên đường chú Tư muốn tìm một người để từ giã nhưng không thấy ai, thửa vườn đã bán cho kẻ khác, khê ôm gốc cây gòn cây cau mà tâm sự, đứa con đã lên đường từ hôm trước – đứa con chú ngồi một cách an toàn trong

chiếc xe có cắm lá cờ ngũ sắc, có bánh mỳ và áo quần mang từ Sài Gòn ra – chú Tư đi quanh quất với cái xách trên vai, chú xuống cuối xóm ngồi bên đứa cháu gái khóc mùi mẫn. Trong đời tao chưa bao giờ tao khóc, hồi bên Tây mấy thằng Maroc say rượu đánh tao, tao còn dám mang súng bắn lại, cháu à tao chưa bao giờ biết khóc Đứa cháu gái đang ngồi thái thịt bò, nó thái xong lát nào cho vào nồi nước đang sôi, sau đó nó vớt ra và cho vào miệng, mắt nó nhìn ra cánh đồng cô quạnh, cơn gió khô khan bốc trên cánh đồng đầy bụi... sau cơn bão lụt tai ác là một chuỗi ngày nắng gắt gay tàn nhẫn.

Có lẽ, ngoài đứa cháu gái kia ra, Chú Tư thợ Hồ là người cuối cùng rời khỏi cái xóm Gò Đậu nghèo nàn. Xóm trên là xóm lão Truyện thì hãy còn đông người. Nhưng chú Tư là người của xóm

dưới này, chú thà vào Sài Gòn lánh cư chứ không thể lánh cư trên xóm trên để họ biết cảnh sa sút của mình.

*

Một buổi chiều mùa đông đầy nắng quái và nặng hơi nước trên từng cao chú Tư thợ Hồ đón chuyển xe ra Đà Nẵng – số là chú ra đi từ sáng sớm nhưng chú cứ mãi miết đi lên xóm lão Truyện rồi quanh ra ngôi rừng phía sau, chú dừng lại ở thửa ruộng vừa mới bán xong, chú ngồi xuống bên cạnh một ngôi mộ người em trai của chú, chú bứt mấy nhánh cỏ bông, ngược nhìn mấy luống khoai mà con nước đã chảy qua làm thành bình địa, chú lại ngồi nơi bờ giếng, nhìn cái bóng đen của mình dưới đó, có ai nói năng gì dưới đáy giếng ? Hình như ai thì

thầm trong bờ tre, chú Tư thợ Hồ vào trong cái miếu thấp một nén nhang từ tạ. Đến Đà Nẵng chú trọ lại một đêm, sáng hôm sau chú lên xe vào Quảng Ngãi, xe vào đến Qui Nhơn trời tối, đứng ở bến xe nhìn lên mấy ngọn núi phía Tây lòng chú buồn rười, chú buồn hơn cả thuở xưa tụi Pháp ném chú xuống biên giới nước Đức... vài hôm sau chú đến Sài Gòn.

Chú mang khăn gói vào trọ tại nhà một người quen biết tại Ngã tư Bảy Hiền. Chú lại tủi thân một lần nữa vì những người bà con của chú đã khôn ngoan rời quê hương sớm, bây giờ họ có cơ sở, họ giàu có, họ hơn chú nhiều quá ; mấy cái khung cửi máy chạy lanh canh suốt ngày cũng là một thứ ngôn ngữ mỉa mai sự lạc loài cô đơn của chú. Buổi trưa cùng một người bạn ra quán cóc ngài uống chai la de chú Tư thợ Hồ nổi khùng chửi đồng:

– Đ.m. hồi kia hay vậy tao ở bên Pháp, biết số phận đi đâu cũng làm phu phen thà tao làm phu phen cho mấy thằng ngoại quốc ... ở bên đó tao chịu không nổi những cơn tuyết lạnh, chịu không nổi những cái nhìn khinh bì của tụi da trắng, tao mới xin về, tao nhớ quê nhà khôn xiết, đ.m, chẳng lẽ trời sinh ra thằng Việt Nam lại chỉ biết ăn bánh mỳ uống rượu nho và ngủ với ba con đầm rẻ mạt, vì thế tao về, con tàu đưa tao vào thành phố Đà Nẵng, tao đưa tay lên ngang vai chào cái chào xã hội, nhưng rồi tao chả được sống trọn vẹn với mái nhà nhỏ của tao, tao chẳng được chết nơi chôn nhau cắt rốn của mình, tao như kẻ ngoại lai... và đi đâu bây giờ tao cũng chỉ làm một tên cu ly, tao trên năm mươi tuổi rồi.

Và chú Tư thợ Hồ đi làm cu ly thật. Chú làm thợ Hồ. Từ đấy chú có cái tên Tư thợ Hồ thay cho cái tên Tư Bằng – tên cúng cơm của chú. Chú Tư không chú trọng đến cái tên gọi. Chú nói : người ta làm vĩ nhân, làm văn nhân, thi sĩ kia người ta mới chọn một cái tên rồi giữ gìn cái tên, còn mình, ai gọi gì cũng được, đôi khi mất cái tên cũ là mất bớt đi một nỗi tủi nhục nào đó.

Chú Tư thợ Hồ cũng lịch sự và thông thạo nhiều vấn đề lắm, bởi chú đã từng sống bên Pháp tám năm. Chú kể lại hồi trước có một con đầm mê chú lắm, mẹ ta toan trốn xuống bến tàu về Việt Nam với chú, nhưng đấy là một con đầm lùn và điếc, một con đầm tui Pháp đang tìm cách giết chết. Một con đầm hôi hám và khốn nạn. Hồi chú sống chung với con đầm kia chú cũng đang mắc kẹt vào một

chữ thịt. Y như cơn lụt vừa qua người ta phải sống với thịt, nhờ thịt, những lại buồn nôn vì những thứ nuôi sống mình. Khi ngồi trong quán các chú hãy còn nghe phảng phất mùi con đầm những đêm hắc chạy vất vả từ dưới bến tàu lên và mùi thịt bò sau cơn lụt mà người ta không thể nào chôn vùi cho hết..

Thịt và sự xa lạ là hai ám ảnh lớn suốt đời đeo đuổi chú Tư thợ Hồ. Ở Saigon làm ăn dư giả nhưng lúc nào chú cũng thấy buồn. Chú ngẩn ngơ như đánh mất một cái gì thiêng liêng ở đâu đó. Nhiều ngày làm ăn vất vả, tối về chú nằm ngủ với những hình ảnh quái ác : con đầm gia khổn nạn kia bị tội Pháp rượt đánh trên bến tàu, bị chúng nó bắt được căng phơi trên bãi biển như phơi một con khô mực – con đầm lùn và điếc dĩ nhiên không thể ngon lành thơm tho bằng một

con khô mực được cuối cùng con đầm kia như một hình ảnh trên cây thánh giá, mẹ ta nhìn về chú, từ bên trời tuyết lạnh xa tít, từ phía bên kia thời gian, từ mặt trái của lòng người ; chú thấy vợ chú trong chiếc áo quan thứ áo quan bó bằng chiếc chiếu rách nát – bà đứng dậy lướt thướt đi, mình mẩy bà ta lóng nhẩy có kem thoa mặt thoa tay, người vợ có hai con mắt xanh lè thời tinh anh như hai con ốc bị ngâm lâu ngày trong bùn nhơ, chú cũng thấy người em trai của chú vác xẻng cuốc trong những ngày nắng non qua bãi cát khô khan dài hàng chục cây số, bãi cát địa đầu của tỉnh Quảng Tín, bãi cát tình nguyện sống với định mệnh khốn khó của Việt Nam mấy mươi năm sau này, người em trai chú vác xẻng cuốc đi đào đường và bị máy bay bắn chết, cái xác nằm ngon lành trên một vũng máu tươi thắm... chú thấy hết, thấy suốt trong

lòng bóng tối..., những tiếng la hét dưới gầm cầu, những con bò trôi từ tốn, nhẹ nhàng như một cảnh khô, những con bò kiệt sức, lăn tròn theo giòng nước cuộn như một súc gỗ, những chiếc ghe nát tan trôi lơ đãng ngoài sông, những hòn đảo nằm bồng bênh dọc lộ trình xuyên đại dương của chú mấy mươi năm về trước... và đến khi tỉnh thức ra đứng sau hè nhà nhìn lên bầu trời Sài Gòn đầy ánh sáng và những đốm lửa tình cờ chú chợt ngậm ngùi. Không phải những hình ảnh kia quái ác và xa vắng. Mà chính chú. Chú là một xa lạ, một biến đổi, lùi xa và hòa tan cùng khốn khổ. Những dĩ vãng kia chúng nó đã có ở một nơi một thời điểm nào đó, còn chú, chú là một di động, chú từ vực sâu lên đỉnh cao, từ thanh cầu xuống tận cùng đáy nước, chú là đôi cánh bay đến đâu trên khắp nơi, chú phải có mặt trước chúng nó chứ không phải chúng nó đã

xảy ra trong đời chú. Chú buồn. Và cũng từ đó, trong đêm sâu hút mờ mịt, đêm hao hụt chú nhận ra một điều : Sài Gòn không phải là quê hương chú, Sài Gòn xa lạ, nhưng chú tìm đến Sài Gòn trong khẩn thiết chứ không phải Sài Gòn có tình cờ mà chú phải đi qua. Sự đau khổ và trơ trẽn tự có ở đó như một bản chất, chú phải đón nhận. Khẩn thiết mà nhận.

Chú Tư thợ Hồ cũng bốn chồn nếu ngày sau mình chết đi, và cái xác chú được chôn vùi ở một ngoại ô nào đó : không bao giờ tôi được an táng trong lòng ngưỡng mộ của Sài Gòn. Như thế chú cũng là một kẻ xa lạ nữa. Và chú Tư thợ Hồ một đêm khuya có ý định trở lại quê nhà : ít ra tôi cũng được chết và được chú ý như con bò đã chết lạnh lẽo trong chuồng đêm hôm nào. Chú Tư nhất định về trở lại, sống với cái xóm Gò Đậu.

Nhưng việc trở lại quê nhà lúc này không là chuyện dễ dàng. Quê nhà chú cũng như cuộc đời chú : đi từ kiệt quệ này đến sụp đổ khác, từ sự lẻ loi buồn tẻ đến sự hoang tàn cùng cực. Sau cơn bão lụt không còn ai ở Gò Đậu. Vùng đó trở nên mất an ninh một cách tuyệt đối. Máy bay đã thả hàng trăm tấn bom xuống đó : để tàn phá một khoảng trống rỗng. Sau cùng để làm nút chặn cho thị trấn Đà Nẵng – một đơn vị Hoa kỳ, rồi một đơn vị Đại Hàn đến đóng tại đó. Từ khi có quân đội đồng minh trấn đóng tại vùng Gò Đậu người ta thấy quang cảnh có vẻ ồn ào : trẻ nhỏ cùng đàn bà, những thân hình trần trụi cùng những cuộc trộm cắp đồ hộp. Những quán nước cũng xuất hiện trên những nương khoai xưa kia, những chuyến xe chạy gập ghềnh trở lại một vùng xưa bỏ hoang. Nhưng nếu định nghĩa cho đúng thì đây không phải

là sinh khí quê hương chú Tư thợ Hồ. Đây chỉ là một bầy ruồi hay một bầy kiến đang bu quanh một cục đường.

Tuy nhiên đã định tâm về là chú Tư thợ Hồ nhất định về. Buổi nọ chú Tư lên Viện Hóa Đạo thăm đứa con mà hai năm trước các nhà Sư đã có lòng tốt mang vào nuôi dưỡng, chú qua Thị Nghè loan tin chú về với lão Truyện. Cuộc gặp gỡ diễn ra ở ngã Ba khi lão Truyện dừng chiếc xích lô ở lề đường, Lão Truyện nói:

- Về ngoài ấy mà chết ấy à.
- Vâng tôi về để mà chết đấy chứ.
- Chết xong trở thành đất thành cát, vậy thì thành đất cát phương nào lại không được.

Chú Tư thợ Hồ không nói năng, mời lão Truyện vào quán uống một chai nước

ngọt. Lão Truyện nay cũng đã già mắt lơ lảo, mồm thở những hơi đứt đoạn, mấy sợi tơ trên cái trán nhăn nheo đã trắng nõn. Thế mà Lão còn đạp xích lô giữa đô thành. Chỉ vì lão không muốn đi ăn mày. Lát sau Tư thợ Hồ nói :

– Bác Truyện à, tôi không thể sống nơi này được. Tôi phải về.

– Ai mà không biết như vậy. Sống ở cái đô thị này chúng mình là kẻ nghèo đói, vô gia cư, nhưng trở về để gây dựng những gì trên miền khô cằn đó. Chúng ta khó có thể trở lại một vùng tan nát cực kỳ để nối tiếp cuộc đời hoàn toàn tan vỡ rách nát.

Lão Truyện tiếp tục đạp cái xích lô cỹ kỹ về phía cuối đường, chú Tư thợ Hồ trở về và thu xếp chuyến khởi hành. Khởi hành trở lại cái điểm ngày xưa bỏ

đi. Khởi hành trên một vòng tròn rồi
rằm.

Ở Sài Gòn Tư thợ Hồ cô độc quá, bị
ám ảnh, chịu không nổi cuộc sống ồn
ào nhưng tẻ nhạt, nóng bức nhưng thê
lương lạ lẫm. Đời sống ở đây như một
buổi chiều mùa đông đầy nắng quái : nổi
hiu quạnh nằm ngay trong lòng mặt trời.

Tư thợ Hồ nhớ từng con nước chảy
róc rách sau hè nhà, con suối vào những
ngày tháng giêng trong veo trong vắt, nhớ
những thân cò trắng đậu đầy trên các bờ
ruộng, những ruộng xanh thắm hoặc
ngâm kín dưới lòng nước trong những
ngày bão đầy và gió lớn, nhớ từ tiếng chó
sủa vang vọng trong đêm trăng heo hắt,
đến tiếng con chim cú gọi trắc ẩn trong
mấy lùm cây ngày chú Tư Đường thất
cổ chết bằng cái giây thòng lọng, chú Tư
thợ Hồ nhớ những buổi sáng đánh trâu

ra đồng, con trâu ngơ ngác nhìn mặt trời : mặt trời như một thứ bè bạn lắm than của nó. Nhớ. Nhớ. Mấy con cua đồng cắn những thân lúa non. Tháng hai. Tháng ba. Mấy cái quán cóc đầu đường con mẹ Hiên mình mấy kêu gọi. Mình mấy cũng là một loại thịt. Tư thợ Hồ nhớ ... ôi thịt.

Khi máy bay cất cánh bay vào địa phận Trung Việt, chú Tư thợ Hồ muốn được chết ; trời thỉnh không, tại sao máy bay lại không nổ tung, tại sao tàu biển ngày trước không đi lạc xuống Nam cực, tại sao chú có thể sống sót dưới gót giày tàn bạo của tội Đức, tại sao mỗi ngày chú phải từ bỏ thêm một phần quê hương, mất thêm những phần đời sống: lần trở lại này chưa chắc chú Tư thợ hồ có thể tìm thấy những dấu chân thân quen những hạt cát ngày trước cùng những người bà con của chú nơi ấy.

Chú Tư tần ngần ở đầu con đường vào cái xóm xưa. Đó là một con tỉnh lộ băng ngang qua con đường xuyên Việt. Chú Tư đưa mắt nhìn ra xa và chú thấy ngay cái xóm của chú : một màu vàng kỳ diệu trên một khoảng cát trắng kỳ diệu. Chú Tư tự nghĩ, từ đây tôi trả lại mọi người cái tên Tư thợ Hồ, tôi gọi tôi tên xưa, tên Tư Bằng.

Nhưng không có ai còn ở đây để gọi tên chú. Không ai. Cỏ cây không bao giờ biết gọi tên. Sỏi đá buồn đau nhưng sỏi đá chẳng hề tâm sự với chú. Chú đi tìm. Nơi đây không còn ai hết. Xóm trên là căn cứ của lính Đại Hàn. Xóm dưới là những chiếc xe ủi đất nằm đấy chờ sớm may ủi nốt những bụi cây còn lại; không còn sinh vật, chẳng còn hơi thở, không còn gì tiêu biểu cho quê hương chú ở đấy : một khoảng vàng của cây cỏ

khô khan kỳ diệu trên một màu trắng vô tính của giải cát âm thâm ngàn đời. Nơi đầu cầu mấy anh dân vệ đứng gác xưa kia nay lính Đại Hàn đã gác – nhất định lính Đại hàn sẽ không ăn những khoản thịt bò trôi sông – cái đình nơi đầu làng còn lại đồng gạch vụn, những đoạn đường xe lửa được cất tháo đi, và một con đường mới mở nhưng hiu quạnh nối từ phía cuối mông lên đến đại bản doanh của sư đoàn Đại Hàn. Bên kia sông đời sống có vẻ nhộn nhịp hơn : những quán nước, Những chiếc xe ủi đất màu vàng, những toán lính đi lại và những bầy con gái ăn vận áo cụt trong quang gánh. Đây là những sinh hoạt tạm bợ trên một vùng đất lẻ loi buồn nản. Chú Tư thợ Hồ đứng trên nền nhà xưa của mình, lúc ấy thoảng bốn giờ chiều. Chú khóc. Chú đi lên ngọn đồi nhỏ : nơi an nghỉ của tổ tiên chú. Nhưng khi đến đó

chú ngạc nhiên : giữa không gian phẳng lì không còn một mộ bia, không còn một ngọn cỏ tươi, không phảng phất một dấu tích nào hương khói xưa kia. Người ta đã ủi sạch những chướng ngại để dễ quan sát những cuộc chuyển quân của Việt cộng. Chú Tư thợ Hồ đi về phía bờ sông : không có một chiếc ghe mảnh nào tấp vào đây, lẻ loi vài cánh buồm được chỉ định đậu vào cái bến dưới xa tít kia nơi có lính Đại Hàn kiểm soát từng người trước khi lên bờ.

Chú Tư định trở lại con đường cái quan để đón chuyển xe ra Đà Nẵng : lát nữa, đêm đến không biết chú sẽ chết về tay ai – Chú Tư thợ Hồ không thể ở nán lại được : y như một người da trắng không may lạc vào giữa rừng hoang Nam Phi ; nhưng chú gặp một toán lính Đại hàn. Họ hỏi chú những câu chú không

thể nào hiểu. Họ đưa mũi súng vào cái hông ốm o của chú và chú Tư thợ Hồ lên xe về doanh trại họ. Suốt đêm hôm đó chú không hề bị đánh đập. Người ta nhét vào cái mồm đói khát của chủ những thịt hộp và bánh mì. Lại thịt. Chú ngủ vùi trong những giấc đen và ngán ngủ. Sáng hôm sau thức giấc chú Tư thợ Hồ được đem đến phòng an ninh để cung khai. Khi ngang qua bãi cỏ chú bắt gặp một khuôn mặt quen quen : đứa cháu gái hai năm về trước chú đến từ già nó để vào Saigon : đứa cháu cuối cùng ở xóm Gò Đậu. Nó nhìn chú và khóc òa. Nó vào xin thẳng với ông thiếu tá – tình nhân của nó – để chú Tư được tự do. Ông thiếu tá Đại Hàn tươi cười ra lệnh trả tự do cho chú Tư thợ Hồ.

Chú Tư ngồi trên một cái ghế đẩu, con cháu gái ngồi phía trước đối diện với

chú, cô ta vận chiếc áo voan mỏng kiểu áo “đình chiến” để che cái bụng đã có phần lớn, chú Tư không quên nhìn vào gương mặt rạng rỡ và đoan trang nhưng quê mùa của đứa cháu gái chú hỏi :

– Cháu à, làm sao cháu lại ở trong cái đồn lính này.

Cô cháu nói :

– Hồi ấy trong làng ai cũng đi trốn giặc, còn mình cháu đi không kịp, một con đường dài mấy mươi cây số cầu cống bị phá hư hỏng hết, cháu không thể đi bộ được, may sao cháu gặp ông thiếu tá này. Ông nói ông yêu cháu và mang cháu về đây chú ơi, sao chú lại trở về, nghe chú ở trong Sài Gòn làm ăn khá giả lắm mà, chú về đây chú đi lơ ngơ người ta bắn chú chết cho coi.

Tử thợ Hồ nghĩ ngay đến cái chết của mình. Vả chẳng định trở lại quê hương này tìm cái chết : được chết bên cạnh tảng đá nát tan, bên tiếng suối ngàn đời vẫn giữ được lời reo bất tuyệt, tôi chết, mong sao cháy như ngọn cỏ khô vàng kỳ diệu. Tử thợ Hồ đưa mắt nhìn ra xa nghĩ đến một cái dây thong – nếu không ai bên này hay bên kia chịu khó giết mình, mình sẽ đút đầu vào một sợi dây, trôi nổi trên một cảnh khô, hai chân thòng xuống, chấm dứt đời ở đó, như cái rễ cây đa thòng dong xuống tận mặt đất. Không làm được đứa con quê hương thì làm ma hát đời. Đó là cái thú triết lý lếu láo Tử thợ Hồ đã ghe ai nói từ thuở nhỏ, đang ở mãi trong cái đầu óc nghèo bị suy tưởng của chú.

Ăn cơm trưa trong đồn lính xong chú Tử thợ Hồ còn phải đợi lập thủ tục

an ninh trước khi trả tự do – hơn nữa ông thiếu tá vào lúc mười giờ sáng bận đi hành quân đến giờ này chưa về. Chú Tư nóng lòng, bởi vì khoản bốn giờ chiều về sau trên con đường hun hút bên dưới không còn bóng dáng một chiếc xe nào hết. Chú trèo lên một mỏm cao nhìn xuống cánh đồng lặng lẽ, từ đó chú ấy rõ ràng con sông Trường giang cách đó năm cây số ngàn. Trong lòng chú bỗng dựng bốn chồn tan hoang : ngày trước từ nơi chú ngồi đây đến con sông kia phải qua nhiều xóm nhiều rừng ; ngày nay xóm rừng kia chẳng còn, tất cả đã được san bằng và trên cái mênh mông phẳng lì đó chúng ta có thể thấy một dòng sông hay chân núi xám cách xa hằng chục cây số : Chúng ta thấy những miền không còn ai không còn gì, đầy ám ảnh và đầy tang tóc, nỗi đau thương phảng phất vang vọng đâu đó, nơi những linh hồn

trong suốt, những linh hồn lạnh lẽo và nóng bức, những linh hồn có lẽ cũng không nên gọi đây là linh hồn. Chú Tư cũng ngồi nhìn mấy chiếc xe ủi đất, một vài chiếc xe chạy khó khăn bên kia con đường, chú nhìn mấy người lính Đại hàn con mắt một mí dánh người to lớn, cũng là dân Á châu đây mà, suốt đời Tư thợ Hồ chỉ nhìn thấy lính ngoại quốc và đi trong những miền xa lạ. Trở lại quê nhà mình như kẻ ngoại lai. Chú là côi xa vắng tột cùng... hồi những con bò đã chết bên dưới gầm cầu, những con bò thiêng liêng và hôi thối giúp cho đám thổ dân (trong lúc này phải dùng hai tiếng thổ dân hay dân bản xứ) chúng sống qua những ngày cam go, hồi những trai trẻ đã chết ngay trên hy vọng mình, hồi những bãi cát kỳ diệu tự trọng, những con sông vững dạ không thay màu, những ngọn núi làm đê ngăn chặn bớt những xác người và

máu tươi, hãy cảm ơn tất cả và giờ đây tôi đã đến với cái dây thòng lọng này. Tôi sẽ vĩnh cửu... chú Tư nhớ người vợ già chết sinh thối trên cơn bão lụt năm nào, nhớ con đầm lùn và điếc, nhớ tất cả, cái bến tàu đầy cò và tiếng hô hào tự do của dân da vàng.

Cuộc đời đã lướt qua định mệnh chú : cái điểm cố định chịu đựng tất cả ; Và bây giờ cái điểm cố định đó biến thể, nó có quyền di chuyển, nó lướt đi như thời gian, nó có quyền làm một hồn ma hay một công dân ưu tú của thiên đàng ; dù sao chú cũng đã về đến nơi này : được nhìn tận cùng nỗi cô đơn khắc khoải của mình. Bốn giờ chiều ông thiếu tá Đại Hàn hành quân trở về, đứa cháu gái nói với chú Tư thợ Hồ chú à, cháu xin cho chú cái giấy thông hành, chú về đi. đồn lính này không cho mình ở nữa. chú về

đi nhưng chú về đâu mới được chú, chú Tư thợ Hồ trả lời như vậy nhưng chú vẫn cầm cái giấy phép.

Chú ra khỏi cổng đồn đứng ngó mông về phía bên kia sông, mặt sông vắng vẻ, bên đó là vùng thiếu kiểm soát, đêm đến từ đó xua đám dân lành về phía này tấn công vào lực lượng Đại Hàn. Chú ngó trái về phía xóm của chú : ngủ dưới đó đêm nay, không biết sẽ chết vào tay ai. Chú tìm một chuyến xe về Đà Nẵng hay Tam Kỳ : không bóng xe nào qua lại, đường đã cấm. Chú Tư nhìn thao láo về phía cây cầu gãy, ở đó có mấy quán nước heo hút, nhưng đi bộ liệu có tới đấy không, trời đã xẩm tối rồi. Chú Tư ôm gói hành lý rảo bước.

CUNG TÍCH BIÊN

